

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1010/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa

Ông M và Bà N

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Ông Đỗ Quang Hoà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh M, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Số nhà X đường Y, Phường T, Quận H, Thành phố C.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Quỳnh N, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số nhà N đường M, Phường K, Quận H, Thành phố C.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2022 cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn Ông Nguyễn Anh M trình bày:

Ông M và Bà Bùi Thị Quỳnh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận D, Thành phố C mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng, từ khi Bà N bắt đầu đi làm và tự lập về tài chính, hơn nữa, giữa Bà N và cha mẹ ruột của Ông M có mâu thuẫn với nhau và mối quan hệ này không

thể hàn gắn được. Do không thể hòa nhập trong cuộc sống vợ chồng, hai bên luôn bất đồng về quan điểm sống và mọi mặt trong cuộc sống

Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung, vợ chồng không có nợ gì của ai.

Bị đơn Bà Bùi Thị Quỳnh N trình bày: Bà N và Ông Nguyễn Anh M chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận D, Thành phố C theo Giấy chứng nhận kết hôn số nên đời sống chung luôn bế tắc, nặng nề. Vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên Ông M yêu cầu được ly hôn với Bà Bùi Thị Quỳnh N. Ngoài ra, Ông M không đồng ý với ý kiến của Bà N về việc Ông M có hành vi ngược đãi, đánh và đuổi vợ con ra khỏi nhà.

Trong quá trình chung sống, Ông M và Bà N có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Gia A, sinh ngày 07/10/2008 và Nguyễn Phúc Vĩnh B, sinh ngày 04/10/2013. Ông M yêu cầu giao hai con chung cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, Ông M cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng).

71, quyển số 01/2007. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cách đây khoảng 05 tháng, Ông M nhiều lần có hành vi ngược đãi, đánh Bà N và con gái, đuổi ba mẹ con Bà N ra khỏi nhà, hai bên ly thân khoảng 05 tháng nhưng vẫn sống chung nhà. Tuy nhiên, theo Bà N trong cuộc sống hôn nhân, giữa vợ chồng luôn tồn tại mâu thuẫn nhưng vẫn có thể giải quyết được, giữa Bà N và cha mẹ chồng không có mâu thuẫn gì. Mặt khác, nguyện vọng của các con chung là không muốn cha mẹ ly hôn, Bà N không muốn các con phải vắng cha trong cuộc sống, con chung Vĩnh B còn nhỏ, sức khỏe yếu, Bà N không muốn trẻ B phải bị cú sốc vì ba mẹ ly hôn. Do vậy, Bà N không đồng ý ly hôn với Ông M, đề nghị Tòa án cho vợ chồng Bà N có cơ hội được hàn gắn.

Về con chung: Bà N và Ông M có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Gia A, sinh ngày 07/10/2008 và Nguyễn Phúc Vĩnh B, sinh ngày 04/10/2013. Trong trường hợp phải ly hôn, Bà N đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nhưng yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung, Bà N thống nhất như lời trình bày của Ông M.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông Nguyễn Anh M, Bà Bùi Thị Quỳnh N vẫn giữ nguyên các yêu cầu và nội dung như đã trình bày tại Tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận H, Thành phố C tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các qui định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin ly hôn với Bà Bùi Thị Quỳnh N của Ông Nguyễn Anh M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

[1] Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Anh M thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn Bà Bùi Thị Quỳnh N có nơi cư trú tại Quận H, Thành phố

C nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận H theo các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về các yêu cầu của các đương sự:*

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Anh M và Bà Bùi Thị Quỳnh N sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận D, Thành phố C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyền số 01/2007, đăng ký ngày 29/10/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Ông M trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng trong khoảng từ 02 đến 03 năm trở lại đây, từ khi Bà N bắt đầu đi làm và tự lập về tài chính, giữa Bà N và cha mẹ ruột của Ông M có mâu thuẫn với nhau và mối quan hệ này không thể hàn gắn được. Hai bên không thể hòa nhập trong cuộc sống vợ chồng, luôn bất đồng trong quan điểm sống về mọi mặt, từ đó đời sống chung luôn bế tắc, nặng nề. Bà N thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn có thể giải quyết được, giữa Bà N và cha mẹ chồng không có mâu thuẫn gì. Nguyên vọng của các con chung là không muốn cha mẹ ly hôn, Bà N cũng không muốn các con phải vắng cha trong cuộc sống, con chung Vĩnh B còn nhỏ, sức khỏe yếu, Bà N không muốn trẻ B phải bị cú sốc vì ba mẹ ly hôn. Do vậy, Bà N không đồng ý ly hôn với Ông M, đề nghị Toà án cho vợ chồng Bà N có cơ hội được hàn gắn. Tại Toà, Bà N trình bày vẫn còn yêu thương Ông M và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông M và Bà N chưa đến mức trầm trọng, hai bên cần có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng chung xây cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, mặt khác, nguyện vọng được đoàn tụ gia đình của Bà N cũng phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ Nguyễn Phúc Gia A và Nguyễn Phúc Vĩnh B, cần thiết để bảo đảm sự ổn định về tâm lý và tình cảm của con chung. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của Ông M là không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản a, mục 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Toà án Nhân dân Tối cao nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Anh M.

[4] Do yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Anh M không được chấp nhận nên về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Ông Nguyễn Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản a, mục 8; khoản c mục 10 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của Ông Nguyễn Anh M về việc xin được ly hôn với Bà Bùi Thị Quỳnh N.

Ông Nguyễn Anh M được quyền khởi kiện lại sau 01 (Một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, Ông Nguyễn Anh M phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0016508 ngày 04/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường F, Quận D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Ánh Minh**